

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIM THÀNH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hứa Thị Hương và ông Ngô Văn Minh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Bảy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

***- Bị đơn:*** Anh **Đông Văn N**, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Đông Văn N kết hôn vào ngày 03/7/2017 trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình. Mặt khác, sau khi kết hôn chị và anh N sống và làm ăn tại Hà Nội, đến đầu năm 2018 anh N có

đặt vấn đề với chị về nói với gia đình phải cho anh N 500 triệu đồng để anh N mua nhà, nhưng bố mẹ chị không đồng ý. Kể từ đó trở đi, anh N lấy mọi lý do để gây chuyện và đánh đập chị. Chị đã nhiều lần khuyên bảo anh N nhưng anh N không nghe mà có thái độ không đúng mực với chị. Đến tháng 5/2020, anh N về quê tại xã Liên Hoà, huyện Kim Thành ở, còn chị về nhà bố mẹ đẻ, được hơn một tháng thì anh N đến đón chị về sống cùng. Tuy nhiên, khi về chung sống cùng nhau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi cọ lẫn nhau. Tháng 8/2020 do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị đã cho con về ở hẳn nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh N từ đó cho đến nay. Từ khi chị và anh N sống ly thân, thỉnh thoảng anh N có đến thăm con và gửi đồ cho con, nhưng anh N vẫn mắng chửi chị. Nay chị H xét thấy thực sự tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh N để giải phóng cho đôi bên khỏi giằng buộc.

Tại biên bản lấy lời khai Bị đơn anh Đồng Văn N trình bày: Anh N xác định kết hôn với chị H vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện được đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng đưa nhau lên Hà Nội sinh sống, hàng ngày anh là người đi làm còn chị H ở nhà chơi được khoảng gần 1 năm thì chị H sinh con. Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Khi chị H sinh con xong thì chị H xin phép anh đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị H ở. Đầu năm 2019, chị H và con lại lên Hà Nội ở cùng anh. Đến đầu năm 2020 vợ chồng đưa nhau về xã Liên Hoà, huyện Kim Thành ở cùng gia đình anh được khoảng 1 tháng thì anh em nhà ngoại sang đón chị H về quê Thanh Miện. Về lý do vì sao chị H bỏ đi thì anh cũng không rõ. Anh N xác định anh và chị H sống ly thân khoảng từ tháng 6 năm 2020. Nay anh N xét thấy thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H vẫn còn, anh mong muốn chị H suy nghĩ để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Còn nếu chị H vẫn cố tình xin ly hôn anh, quan điểm của anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H và anh N cùng xác định vợ chồng có 01 con chung là Đồng Đình H, sinh ngày 15/10/2017, hiện cháu do anh N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn quan điểm của chị H về con chung là chị không nhận nuôi con, chị H đề nghị Tòa án giao con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh N mỗi tháng 1.000.000đồng. Quan điểm của anh N là xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 5.000.000đồng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Chị H và anh N xác định vợ chồng không có tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh N. Chị xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vấn đề tiền bạc, nhiều lần anh N chửi bới, đánh đập chị, hai bên đã sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Về mức cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị không đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con mà anh N đưa ra là 3.000.000đồng/ tháng. Chị chỉ chấp nhận cấp dưỡng 1.000.000đồng/ tháng.

Anh N xác định quá trình chung sống anh và chị H không xảy ra mâu thuẫn nên anh không nhất trí ly hôn. Việc chị H trình bày tại phiên toà về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh yêu cầu gia đình chị H phải cho anh 500 triệu đồng để mua nhà, khi không được chấp nhận thì anh đánh đập, chửi bới và lăng mạ chị H là hoàn toàn chị H vu khống cho anh. Theo anh N thì chính chị H là người yêu cầu anh phải xin tiền của gia đình để mua nhà Hà Nội, nếu anh không nghe chị H sẽ ly hôn. Khi vợ chồng mâu thuẫn thì chị H là người chửi bới, lăng mạ và đánh đập anh. Tại phiên toà, anh khẳng định vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 6/2020 đến nay. Trong thời gian hơn 1 năm qua chị H sống bên nhà ngoại, anh cũng không tìm chị H về để vợ chồng đoàn tụ. Về mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, anh N yêu cầu chị H phải đóng góp mỗi tháng 3.000.000đồng để anh nuôi con. Việc chị H nói không có thu nhập là không đúng, theo anh hiện nay, qua theo dõi chị Hương trên mạng xã hội thì anh biết chị H có thu nhập khoảng 400 triệu mỗi tháng do kinh doanh gà con.

Đại diện VKS nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự; Về việc quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí lệ phí Tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đồng Văn N; Về con chung: Giao cho anh Đồng Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Buộc chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng từ 1.000.000đồng đến 1.500.000đồng; Về tài sản chung: Không đặt ra việc giải quyết; Về án phí: Chị H phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đồng Văn N là Bị đơn cư trú tại huyện Kim Thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đồng Văn N kết hôn với nhau trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị H thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N là do hai bên không hợp nhau về tình tình, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống. Mặc dù anh N kiên quyết không đồng ý ly hôn và không thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn. Song anh N cũng xác định trong thời gian chung sống chị H chửi bới, lăng mạ và đánh đập anh. Đây là những căn cứ để xác định giữa chị H và anh N có việc xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Mặt khác, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự thì thấy anh N và chị H đã sống ly thân một thời gian dài không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Bản thân anh N mong muốn níu kéo chị H, nhưng anh cũng thừa nhận không tìm được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đồng Văn N là phù hợp.

[2] Về con chung: Xét yêu cầu của chị H đề nghị giao con chung cho anh N nuôi dưỡng thì thấy: Từ tháng 6/2020 đến nay anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và đảm bảo được việc ăn, học cho cháu Đồng Đình H. Tại phiên tòa, anh N xác định nếu được trực tiếp nuôi con anh cũng đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định và lợi ích cho cháu H, cần giao cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là phù hợp.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Xét yêu cầu của anh N yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị H đều xác định hiện tại chị H không có việc làm nên không có thu nhập. Anh N cho rằng chị H có thu nhập mỗi tháng là 400 triệu đồng, song anh N không đưa ra được căn cứ chứng minh về mức thu nhập của chị H nên không có cơ sở để chấp nhận. Hội đồng xét

xử căn cứ vào điều kiện thực tế, buộc chị H phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh N mỗi tháng 2.000.000đồng là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng: Chị Nguyễn Thị H và anh Đồng Văn N xác định không có tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung nên không đặt ra việc giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H có đơn yêu cầu ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên chị H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đồng Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung là Đồng Đình H, sinh ngày 15/11/2017 cho anh Đồng Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Buộc chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Đồng Văn N mỗi tháng là 2.000.000đồng ( Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2021 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo Biên

lai thu tiền số: AA/2018/0001755 ngày 06/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị H còn phải nộp tiếp 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn và Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

*Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA Dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã L, huyện K;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**









